

VAPOR

Kiểm tra nồng độ khí mê

Hướng dẫn

Hướng dẫn

Máy đo khí gây mê VAPOR (S n ph m ho c Ph ki n) Lo n ng L c a kh' g a y m². Ph ki n k t n i v i M"y ph a n t c h l u l ng kh' VT900A (M"y ph a n t c h). ã s d ng Ph ki n, h-y xem ph n V n h c n h. ã b i t t h² m th » ng t i n, h-y xem H ng d n s d ng VT650/VT900A.

Mục đích sử dụng

Ph ki n c m b i ng a y m² ch L c s d ng v i M"y ph a n t c h l u l ng kh' VT900A L Lo kh' g a y m² L c m » t b² n d i. N¹ L c s d ng b i c' c k thu t v i² n d ch v L c L c o t o v c » ng ngh thi t b y t trong b nh v i n, khoa k thu t l a m s c n g, t ch c d ch v L c l p v c t i c' c c s s n x u t thi t b g c. N¹ L c thi t k L s d ng trong m » i tr ng ph o ng th' nghi m, b² n ngo i khu v c ch ã m s¹ c b nh nh a n v c k h » ng L c s d ng tr n b nh nh a n ho c L ki m tra c' c thi t b khi k t n i v i b nh nh a n.

An toàn

C nh b' o x' c L nh c' c Li u ki n v c h c n h L ng nguy hi m c¹ th g a y t n h i c th ho c t vong. C nh b' o x' c L nh c' c Li u ki n v c h c n h L ng c¹ th l c m h ng S n ph m, thi t b L c th nghi m ho c g a y m t d li u v t h v i n.



Cảnh báo

Để ngăn ngừa khả năng bị điện giật, hỏa hoạn hoặc thương tích cá nhân:

- Đọc tất cả thông tin an toàn trước khi bạn sử dụng Sản phẩm.
- Đọc kỹ tất cả các hướng dẫn.
- Chỉ sử dụng Sản phẩm như được chỉ định, nếu không khả năng bảo vệ do Sản phẩm cung cấp có thể bị tổn hại.
- Không sử dụng Sản phẩm xung quanh nơi có khí, hơi dễ nổ hoặc trong môi trường ẩm ướt.
- Không sử dụng Sản phẩm nếu Sản phẩm hoạt động không chính xác.
- Chỉ sử dụng Sản phẩm này trong nhà.
- Chỉ sử dụng nguồn điện bên ngoài đi kèm với Sản phẩm.

PN 5020670 October 2018, Rev. 1

©2018 Fluke Corporation. All rights reserved.

Specifications are subject to change without notification.

All product names are trademarks of their respective companies.

Fluke Corporation
P.O. Box 9090
Everett, WA 98206-9090
U.S.A.

Fluke Europe B.V.
P.O. Box 1186
5602 BD Eindhoven
The Netherlands

ООО «Флюк СИАЙЭС»
125167, г. Москва, ул. Шолоховская, д. 37,
б. 1
9, 1, 4, 1

- Vô hiệu hóa Sản phẩm nếu sản phẩm bị hỏng.
- Không sử dụng Sản phẩm nếu sản phẩm bị hỏng.
- Không đặt các vật bằng kim loại vào các đầu nối.

Bảng 1 trình bày các ký hiệu UL được sử dụng trên Sản phẩm trong tài liệu này.

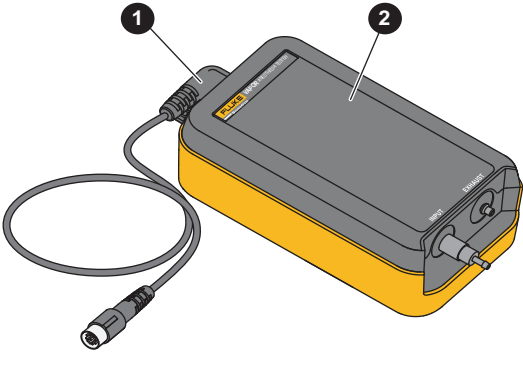
Bảng 1. Ký hiệu

Ký hiệu	Mô tả
	WARNING. RISK OF DANGER.
	WARNING. HAZARDOUS VOLTAGE. Risk of electric shock.
	Consult user documentation.
	Conforms to European Union directives
	Conforms to relevant North American Safety Standards
	Conforms to relevant Australian Safety Standards
	Conforms to relevant South Korean EMC Standards
	This product complies with the WEEE Directive marking requirements. The affixed label indicates that you must not discard this electrical/electronic product in domestic household waste. Product Category: With reference to the equipment types in the WEEE Directive Annex I, this product is classed as category 9 "Monitoring and Control Instrumentation" product. Do not dispose of this product as unsorted municipal waste.

Phụ kiện

Bảng 2 hiển thị các thành phần Phụ kiện.

Bảng 1. Phụ kiện

	
1	Kiểm tra VT900A
2	Thiết bị

Hoạt động

Sử dụng Phụ kiện cùng với Máy phân tích để đo nồng độ dòng khí gây mê. Để biết thêm thông tin về cách kết nối và sử dụng Phụ kiện với Máy phân tích, hãy xem Hướng dẫn sử dụng VT650/VT900A.

Bảo dưỡng

Phụ kiện cần ít bảo trì hoặc chăm sóc đặc biệt. Hãy coi Máy phân tích như một công cụ đo lường đã được hiệu chuẩn. Không làm rơi hoặc gây ra sự lạm dụng cơ học khác.

Để làm sạch Phụ kiện, hãy lau bằng vải ẩm.

Thông số kỹ thuật

Nhiệt độ

Hoạt động.....	10 °C tới 40 °C
Độ ẩm hoạt động	10 % tới 90 % không ngưng tụ
Bảo quản.....	-20 °C
Độ ẩm bảo quản	5 % tới 95 % không ngưng tụ
Độ cao ^{60 °C}	3000 m
Khối lượng.....	0.5 kg (1.2 lb)
Kích thước.....	19 cm x 9.5 cm x 5.7 cm (7.5 in x 3.8 in x 2.3 in)

An toàn

IEC 61010-1	Overvoltage Category none, Pollution Degree 2
-------------------	--

Electromagnetic Compatibility (EMC)

IEC 61326-1: Basic Emissions Classification.....	IEC CISPR11: Group 1, Class A.
<i>Group 1 have intentionally generated and/or use conductively coupled radio-frequency energy which is necessary for the internal functioning of the equipment itself.</i>	
<i>Class A equipment is suitable for use in nondomestic locations and/or directly connected tới a low voltage power supply network.</i>	
USA (FCC)	Intentional Radiators
<i>This device complies with part 15 of the FCC Rules. Operation is subject to the following two conditions: (1) This device may not cause harmful interference, and (2) this device must accept any interference received, including interference that may cause undesired operation. (15.19)</i>	

Bảng 3. Khí gây mê

Khí	Phạm vi nồng Độ	Thông số kỹ thuật khởi động	Đầy đủ thông số kỹ thuật
Carbon Dioxide (CO2)	0 % tới 1 %	±0.4 % ABS	±0.1 % ABS
	1 % tới 5 %	±0.5 % ABS	±0.2 % ABS
	5 % tới 7 %	±0.6 % ABS	±0.3 % ABS
	7 % tới 10 %	±0.8 % ABS	±0.5 % ABS
Nitrous Oxide (N2O)	0 % tới 20 %	±(10 % of rdg + 2 % ABS)	±2 % of rdg
	20 % tới 100 %	±(11 % of rdg + 2 % ABS)	±3 % of rdg
Halothane (HAL)	0 % tới 1 %	±(8 % of rdg + 0.15 % ABS)	0.15 % ABS
	1 % tới 5 %	±(8 % of rdg + 0.2 % ABS)	0.2 % ABS

Khí	Phạm vi nồng độ	Thông số kỹ thuật khởi động	Đầy đủ thông số kỹ thuật
Enflurane (ENF)	0 % tới 1 %	±(8 % of rdg + 0.15 % ABS)	0.15 % ABS
	1 % tới 5 %	±(8 % of rdg + 0.2 % ABS)	0.2 % ABS
Isoflurane (ISO)	0 % tới 1 %	±(8 % of rdg + 0.15 % ABS)	0.15 % ABS
	1 % tới 5 %	±(8 % of rdg + 0.2 % ABS)	0.2 % ABS
Desflurane, (DES)	0 tới 1%	±(8 % of rdg + 0.15 % ABS)	0.15 % ABS
	1 % tới 5 %	±(8 % of rdg + 0.2 % ABS)	0.2 % ABS
	5 % tới 10 %	±(8 % of rdg + 0.4 % ABS)	0.4 % ABS
	10 % tới 15 %	±(8 % of rdg + 0.6 % ABS)	0.6 % ABS
	15 % tới 18 %	±(8 % of rdg + 1 % ABS)	1 % ABS
Sevoflurane, (SEV)	0 % tới 1 %	±(8 % of rdg + 0.15 % ABS)	0.15 % ABS
	1 % tới 5 %	±(8 % of rdg + 0.2 % ABS)	0.2 % ABS
	5 % tới 8 %	±(8 % of rdg + 0.4 % ABS)	0.4 % ABS

BẢO HÀNH VÀ HỖ TRỢ SẢN PHẨM

Fluke Biomedical bảo hành thiết bị này đối với các khiếm khuyết về vật liệu và tay nghề trong vòng một năm kể từ ngày mua ban đầu. Trong thời gian bảo hành, chúng tôi sẽ sửa chữa hoặc thay thế miễn phí một sản phẩm được chứng minh là bị lỗi, với điều kiện bạn trả lại sản phẩm, vận chuyển trả trước cho Fluke Biomedical. Bảo hành này chỉ áp dụng cho người mua ban đầu và không được chuyển nhượng. Bảo hành không áp dụng nếu sản phẩm bị hư hỏng do tai nạn hoặc sử dụng sai hoặc đã được bảo trì hoặc sửa đổi bởi bất kỳ ai không phải là cơ sở dịch vụ Y sinh được Fluke ủy quyền. **KHÔNG CÓ BẢO ĐẢM NÀO KHÁC, NHƯ SỰ PHÙ HỢP CHO MỘT MỤC ĐÍCH CỤ THỂ, ĐƯỢC RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý. FLUKE SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỀ BẤT KỲ THIẾT HẠI HOẶC MẤT ĐẶC BIỆT, GIÁN TIẾP, NGẪU NHIÊN HAY DO HẬU QUẢ, BAO GỒM MẤT DỮ LIỆU, PHÁT SINH TỪ MỌI NGUYÊN NHÂN HOẶC LÝ THUYẾT.** Bảo hành này chỉ áp dụng cho các sản phẩm được đánh số sê-ri và các phụ kiện có gắn thẻ số sê-ri riêng biệt. Việc hiệu chuẩn lại thiết bị không được bảo hành

Bảo hành này cung cấp cho bạn các quyền pháp lý cụ thể và bạn cũng có thể có các quyền khác nhau tùy theo khu vực pháp lý khác nhau. Vì một số khu vực pháp lý không cho phép loại trừ hoặc giới hạn bảo hành ngụ ý hoặc các thiệt hại ngẫu nhiên hoặc do hậu quả nên giới hạn trách nhiệm pháp lý này có thể không áp dụng cho bạn. Nếu bất kỳ điều khoản nào của bảo hành này bị tòa án hoặc người ra quyết định khác có thẩm quyền xét xử không hợp lệ hoặc không thể thi hành thì việc giữ đó sẽ không ảnh hưởng đến hiệu lực hoặc khả năng thực thi của bất kỳ điều khoản nào khác.

7/07

Fluke Biomedical
 6920 Seaway Blvd.
 Everett, WA, 98203
 U.S.A.
 To find the nearest service center, go to www.flukebiomedical.com/service

or
 In the U.S.A. and Asia:
 Cleveland Calibration Lab
 Tel: 1-800-850-4608 x2564
 Email:
globalcal@flukebiomedical.com

In Europe, Middle East, and Africa:
 Eindhoven Calibration Lab
 Tel: +31-40-2675300
 Email:
ServiceDesk@fluke.com